

Flexible ducting

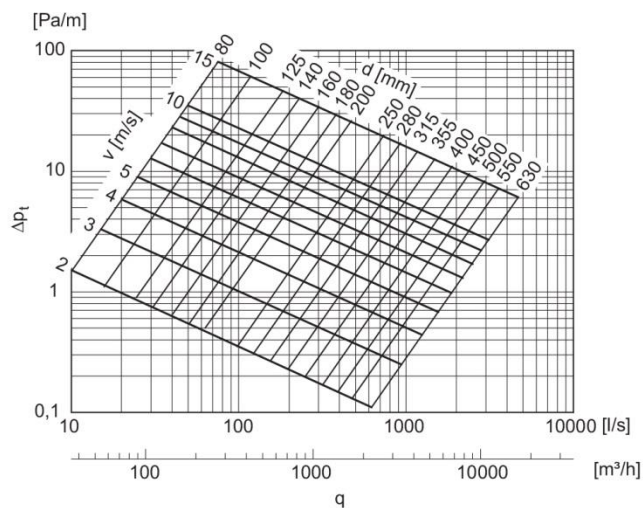


Flexible ducts

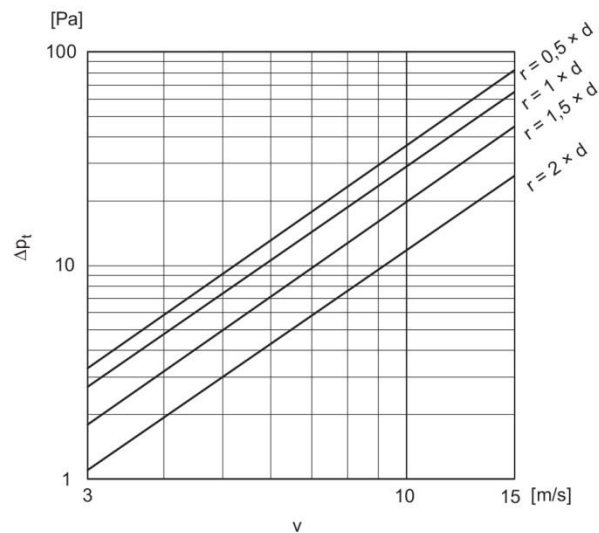
Ống gió mềm

Technical data / Thông số kỹ thuật

Flexible ducts / Ống gió mềm



Flexible ducts 90° bends / Ống gió mềm



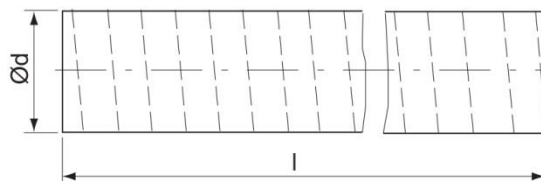
Uninsulated flexible duct

Ống gió mềm không bảo ôn 1 lớp

UFD1



Dimensions / Kích thước



Description / Mô tả

Multiple layer product made up of aluminium/PET laminate formed into a flexible duct supported by a steel coated wire helix.

Sản phẩm được sản xuất từ 1 hay nhiều lớp màng nhôm/PET hình thành ống mềm dẻo được gia cường bởi lõi thép mạ

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct materials Aluminium/PET laminate
Fire retardant adhesive
Steel coated bead wire

Chất liệu ống Màng PET mạ nhôm
Keo chống cháy
Dây thép mạ kẽm

Temperature range -30 to +140°C
Nhiệt độ làm việc -30 to +140°C

Maximum air velocity 30 m/s
Vận tốc gió tối đa 30 m/s

Packing Nilon bag
Đóng gói Túi nilon

Ød nom	O πd m	A πd ² /4 m ²	l mm	Max. pressure Pa
80	0,251	0,005	8000	+2500
100	0,320	0,008	8000	+2500
125	0,399	0,013	8000	+2500
150	0,478	0,018	8000	+2500
200	0,638	0,032	8000	+2500
250	0,798	0,051	8000	+2500
300	0,990	0,078	8000	+2500
350	1,105	0,098	8000	+2500
400	1,28	0,129	8000	+2500

Ordering example / Đặt hàng mẫu

	UFD	100	8000	AP
Product / Mã sản phẩm				
Dimension / Đường kính Ød				
Length / Chiều dài l				
Material / Chất liệu				



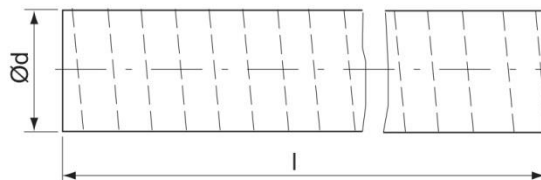
Uninsulated flexible duct

Ống gió mềm không bảo ôn 2 lớp

UFD2



Dimensions / Kích thước



Ød nom	O πd m	A πd ² /4 m ²	l mm	Max. pressure Pa
80	0,251	0,005	8 000	+3000
100	0,320	0,008	8 000	+3000
125	0,399	0,013	8 000	+3000
150	0,478	0,018	8 000	+3000
200	0,638	0,032	8 000	+3000
250	0,798	0,051	8 000	+3000
300	0,990	0,078	8 000	+3000
350	1,105	0,098	8 000	+3000
400	1,28	0,129	8 000	+3000

Description / Mô tả

Multiple layer product made up of aluminium/PET laminate and metalized polyester formed into a flexible duct supported by a steel coated wire helix plus black PVC outer covering.

Sản phẩm ống gió 2 lớp được sản xuất từ màng nhôm / PET hình thành ống mềm dẻo được gia cường bởi lõi thép mạ Bề mặt ngoài ống được bảo vệ bởi 1 lớp phủ PVC màu đen

Applications / Ứng dụng

Ideal for low to high pressure air conditioning and ventilation systems.

Sử dụng trong hệ thống điều hòa và thông gió đòi hỏi áp suất gió từ thấp đến cao.

Technical data / Thông số kỹ thuật

Duct materials.....	Aluminium/PET laminate – 1 layer 70 micron black PVC DINP – 1 layer Steel coated bead wire
Chất liệu ống	Màng PET mạ nhôm – 1 lớp Màng PVC màu đen dày 70 micron - 1 lớp Dây thép mạ kẽm
Temperature range.....	-30 to +125 °C
Nhiệt độ làm việc	-30 to +125 °C
Maximum air velocity.....	30 m/s
Vận tốc gió tối đa	30 m/s
Packing	Nylon bag
Đóng gói	Túi nilon

Ordering example / Đặt hàng mẫu

Product / Mã sản phẩm	UFD2	100	8000	APPV
Dimension / Đường kính Ød				
Length / Chiều dài l				
Material / Chất liệu				

Advantages / Ưu điểm

Smooth inner core.
Bề mặt trong ống mịn.
Air tight.
Kín gió.
High flexibility.
Tính linh hoạt cao.
Durable materials, resists tearing and puncturing.
Vật liệu có độ bền cao, chống rách và thủng
Keeps friction to a minimum.
Giữ ma sát ở mức tối thiểu.
Energy efficient.
Hiệu quả năng lượng.
Makes for easy installation.
Dễ dàng lắp đặt.
Maintains shape when extended.
Duy trì hình dạng khi mở rộng.

Flexible duct clamp

Đai xiết ống gió

FDC



Dimensions / Kích thước

Ød nom
60 – 110
60 – 135
60 – 165
60 – 215
60 – 270
60 – 325
60 – 425
60 – 575
60 – 525

Description / Mô tả

A metal clamp for all types of flexible ducting. The clamp consists of the band FDB and the flip-up band lock FDBL. This system allows an easy and quick application thanks to the automatic locking that forms the right diameter of the duct.

Đai xiết ống gió là phụ kiện dùng được cho hầu hết các loại ống gió mềm. Hệ thống này cho phép lắp đặt dễ dàng và nhanh chóng và vừa khít với ống gió.

Advantages / Ưu điểm

Labour saving.

Tiết kiệm nhân lực.

The band has lifted edges to avoid damage to the ducting.

Mặt đai xiết được làm nhẵn để tránh làm hỏng ống gió

Technical data / Thông số kỹ thuật

Band width	12.7 mm
Chiều rộng đai xiết	12.7 mm
Band and lock material	Stainless steel AISI 430
Chất liệu đai và khóa xiết ...	Thép mạ AISI 430
Screw material.....	Galvanized steel
Chất liệu vít.....	Thép mạ kẽm
Screw head	Hex Head 7 mm A/F
Đầu vít	Đầu lục giác 7 mm A/F

Ordering example / Đặt hàng mẫu

	FDC	135	SS
Product / Sản phẩm			
Dimension / Đường kính Ød			
Material / Chất liệu			

